TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
❋❋❋

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/HSST.
Ngày: 27/3/2025

NHÂN DANH

N□□C C□NG HOÀ XÃ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiểm

* Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Huy Trọng

2. Ông Nguyễn Bá Tuấn

* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Bá Minh Huy - Thư ký Tòa án

* Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thanh Oai: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Mở phiên toà công khai vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/HSST ngày 28/2/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXX –TA ngày 5/3/2025 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; sinh năm 1966 tại: Thanh Oai, Hà Nội; Nơi thường trú: Thôn Ng , xã H , H. Th, H ; Nơi ở hiện tại: Thôn Ng , xã H , H. Th, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết); Con bà: Đào Thị H (đã chết); Chồng là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến 03/01/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có măt

2. **Nguyễn Văn Đ(t**ên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1992; Nơi thường trú: Thôn Ng , xã H , H. Th, H ; Nơi ở hiện tại: Thôn Ng , xã H , H. Th, H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1998 và Có 01 con, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến 03/01/2025, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965. Có mặt

2. bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964. Vắng mặt

Đều trú tại: thôn Ngô Đồng, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2021 Nguyễn Thị T đã nảy sinh ý định cho một số người ở cùng thôn vay tiền với lãi suất từ 5-10%/tháng (tương đương lãi suất 60 - 120%/năm) nhằm mục đích kiếm lời. Trong thời gian cho người khác vay tiền, Nguyễn Văn Đsinh năm 1992 (con trai T) nhiều lần hỗ trợ T thu tiền lãi của người vay tiền.

Vào ngày 19/7/2024 và ngày 23/7/2024 (tức ngày 14/6/2024 và 18/6/2024 âm lịch), Nguyễn Thị T đã cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N vay tổng số tiền 80.000.000 đồng với mục đích vay để chi tiêu cá nhân, lãi suất 10%/01 tháng, tương đương 120%/năm. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay. Cuối tháng 10/2024, ông N trả cho T 8.000.000 đồng tiền lãi của một tháng (Đlà người đi thu tiền). Khoảng nửa tháng sau, bà K đến nhà và đưa trả T thêm 5.000.000 đồng tiền lãi và tiếp tục xin chậm trả số lãi còn lại.

Tối ngày 30/12/2024, sau nhiều lần T và Đđòi tiền, ông N đã gọi điện cho Đđến nhà mình tại thôn Ngô Đồng, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, Hà Nội để trả 4 tháng tiền lãi tương ứng 32.000.000 đồng. Tại nhà ông N, khi Đđang đếm tiền lãi mà ông N đưa thì bị lực lượng công an huyện Thanh Oai và Công an xã Hồng Dương bắt quả tang. Như vậy, tổng số tiền lãi T thu được là 45.000.000 đồng (06 tháng tiền lãi), số tiền lãi theo quy định pháp luật là 80.000.000 đồng x 20%/01 năm x 06 tháng = 8.000.000 đồng, T hưởng lợi bất chính là 37.000.000 đồng. Đến nay tiền nợ gốc vợ chồng ông N chưa trả cho T.

Ngoài việc cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N vay tiền như nội dung trên, từ năm 2021 đến năm 2024, Nguyễn Thị T đã cho 07 người dân khác ở cùng thôn Ngô Đồng, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai vay tiền với lãi suất từ 4 đến 5%/01 tháng. Cụ thể: anh Nguyễn Văn T sinh năm 1990 vay 90.000.000 đồng, anh Lê Văn Th sinh năm 1981 vay 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Đức T sinh năm 1992 vay 200.000.000 đồng, anh Lê Văn H sinh năm 1984 vay 60.000.000 đồng, anh Lê Hữu Đ sinh năm 1986 vay 50.000.000 đồng, anh Lê Văn T sinh năm 1979 vay 100.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T sinh năm 1978 vay 60.000.000 đồng. Xét thấy các khoản vay đều có mức lãi suất từ 4 đến 5%/ tháng tương đương 60%/năm là quan hệ dân sự nên không xem xét xử lý.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam đồng: 32.000.000 đồng *(Ba mươi hai triệu đồng);* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, số imei 357268098985684 của Nguyễn Văn Đ; 11 tờ giấy vay tiền (dạng giấy ô li vở học sinh).

Với hành vi trên, Cáo trạng số 18/CT– VKS ngày 25/2/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đvề tội “

Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ N quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Do các bị cáo là lao động tự do nên đề nghị không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về tang vật: đề nghị tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax của Nguyễn Văn Đ; số tiền 80.000.000 đồng T sử dụng cho ông N, bà K vay là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước, do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K chưa trả cho bị cáo số tiền này nên buộc ông N, bà K nộp số tiền 80.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; Số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp sung quỹ nhà nước; Đối với số tiền 37.000.000 đồng tiền thu lời bất chính, buộc bị cáo phải trả lại cho người vay là ông N, bà K (trong đó có 32.000.000 đồng đã tạm giữ để đối trừ vào số tiền ông N, bà K phải nộp), bị cáo T còn phải trả cho ông N, bà K số tiền là 5.000.000 đồng

Về án phí: đề nghị buộc bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: vào các ngày 19/7/2024 và 23/7/2024 Nguyễn Thị T đã cho vợ chồng ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K vay tổng số tiền 80.000.000 đồng với lãi suất 120%/năm (vượt quá 05 lần mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự) nhằm thu lợi bất chính;

Nguyễn Văn Đlà người giúp sức cho Nguyễn Thị T trong việc thu tiền lãi của ông N. Trong thời gian 06 tháng (từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024), số tiền lãi T thu được là 45.000.000 đồng, đối trừ số tiền lãi theo quy định pháp luật là 80.000.000 đồng x 20%/01 năm x 06 tháng = 8.000.000 đồng, T hưởng lợi bất chính là 37.000.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đđã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai truy tố các bị cáo về tội danh, điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật;

Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, thuộc loại tội ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi vi phạm của các bị cáo thấy: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với mức lãi suất cao, nên cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt và thực hiện biện pháp đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Đtuy không trực tiếp cho vay nhưng lại là người giúp bị cáo T đi thu tiền lãi nên cũng cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo Đ gây ra.

Khi quyết định hình phạt, hội đồng xét xử thấy các bị cáo T, Đđều không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo T, Đ thành khẩn khai báo khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng …. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1Điều 51 Bộ luật hình sự được hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và xét cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt và thực hiện biện pháp đấu tranh phòng ngừa chung. Do bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo Đnên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Điệp.

Xét các bị cáo T, Đđều là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

3] Đối với 11 giấy vay tiền (dạng giấy ô li vở học sinh) trong đó có 10 giấy liên quan đến việc T cho các anh Nguyễn Văn T, anh Lê Văn Th, anh Nguyễn Đức T, anh Lê Văn H, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Văn T, anh Nguyễn Văn T vay tiền, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác định nội dung thỏa thuận vay tiền giữa T và các đối tượng trên là thỏa thuận giao dịch dân sự, không đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên trả lại các giấy tờ trên cho bị cáo T; 01 giấy vay tiền liên quan đến việc T cho ông N, bà K vay tiền là tài liệu trong hồ sơ vụ án nên lưu hồ sơ vụ án.

4] Đối với số tiền 80.000.000 đồng T sử dụng cho ông N, bà K vay là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ nhà nước. Do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K chưa trả cho bị cáo T số tiền này nên buộc ông N, bà K nộp số tiền 80.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước

- Số tiền 8.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp sung quỹ nhà nước

- Đối với số tiền 37.000.000 đồng tiền thu lời bất chính, buộc bị cáo phải trả lại cho người vay là ông N, bà K (đối trừ số tiền 32.000.000 đồng đã thu giữ), bị cáo T còn phải trả cho ông N, bà K số tiền là 5.000.000 đồng

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax của Nguyễn Văn Đlà phương tiện phạm tội nên tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước

5] Về án phí: Các bị cáo vi phạm pháp luật nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1Điều 51; Điều 36; Điều 17, 58, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 106; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ nghị quyết 01/2021/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Xử phạt Nguyễn Thị T 07 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày cải tạo không giam giữ (3 ngày tạm giữ x3= 9 ngày), bị cáo còn phải chấp hành 6 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt Nguyễn Văn Đ 6 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 ngày cải tạo không giam giữ (3 ngày tạm giữ x3= 9 ngày), bị cáo còn phải chấp hành 5 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ cho gia đình và UBND xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3.- Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K nộp số tiền 80.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo T nộp 8.000.000 đồng tiền thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo T trả ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị K tiền thu lời bất chính do cho vay lãi nặng là 37.000.000 đồng, đối trừ số tiền 32.000.000 đồng đã thu giữ (theo ủy nhiệm chi số 28 ngày 26/3/2025 tại kho bạc nhà nước khu vực 1); bị cáo T còn phải trả ông N, bà K số tiền 5.000.000 đồng.

-Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax của Nguyễn Văn Đtheo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/2/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội.

-Trả lại bị cáo T 10 giấy vay tiền giữa T với các anh Nguyễn Văn T, anh Lê Văn Th, anh Nguyễn Đức T, anh Lê Văn H, anh Lê Hữu Đ, anh Lê Văn T, anh Nguyễn Văn T.

- Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền giữa T và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị K.

4. Các bị cáo, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Oai;
- THA huyện Thanh Oai;
- CA huyện Thanh Oai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiểm